

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 3 - 2026
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Lưu;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hòe;
Bà Hoàng Thị Thoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng
Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
180/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con, chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần S**, sinh năm 1976; hộ chiếu số N2310289; địa
chỉ trước lúc xuất cảnh: **Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Quảng Trị (Tổ dân phố
N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ)**. Hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, có
đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị S1**, sinh năm 1977, CCCD số 040177000239, địa
chỉ: **Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Quảng Trị (Tổ dân phố N, phường Q, thị xã
B, tỉnh Quảng Bình cũ)**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 28/5/2025, nguyên đơn anh **Trần
S** trình bày:

Anh **Trần S** và chị **Phạm Thị S1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị). Trong quá trình chung sống, anh **S** và chị **Phạm Thị S1** chung sống hạnh phúc được một thời gian. Về sau, vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Hơn nữa, khoảng cách địa lý xa xôi gây khó khăn cho cả hai bên khi giải quyết công việc gia đình, khiến cho cuộc sống hôn nhân vợ chồng bế tắc, không có cách nào giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng và con cái. Nay, anh **S** nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho anh **S** được ly hôn với chị **Phạm Thị S1** để sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh **S** và chị **Phạm Thị S1** có 02 người con chung là cháu **Trần Thị Vân A**, sinh năm 2003 và cháu **Trần Gia B**, sinh năm 2009. Cháu **Vân A** đã thành niên, có đủ khả năng lao động và tự chăm sóc được bản thân nên anh **S** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu **B**, anh **S** đề nghị Tòa án giao cháu cho mẹ là chị **Phạm Thị S1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành để đảm bảo môi trường sống của cháu không bị thay đổi cũng như không làm xáo trộn sinh hoạt của cháu.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh **S** yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*).

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do tính chất công việc tại Hàn Quốc không thể xin nghỉ phép về Việt Nam để tham dự các buổi làm việc, buổi triệu tập, phiên họp, phiên tòa xét xử tại Tòa án nên anh **S** xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, buổi triệu tập, phiên họp, phiên tòa xét xử và ủy quyền đại diện cho ông **Nguyễn Việt H** (Sinh ngày: 31/08/2000; CCCD số: 022200005761 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/08/2021; Nơi thường trú: **T, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh**; Địa chỉ hiện nay: **Số B, ngõ D phố D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội**; Số điện thoại: 0945585748) được nhân danh và đại diện anh **S** nộp tạm ứng án phí, án phí và các chi phí tố tụng khác; được thực

hiện việc lập, ký, giao nhận các hồ sơ tài liệu có liên quan để tiến hành thủ tục ly hôn tại Tòa án; được nhận Bản án/quyết định ly hôn sau khi Tòa án giải quyết xong và bàn giao lại cho anh S.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2025 và Bản tự khai ngày 21/8/2025, bị đơn chị Phạm Thị S1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996, anh Trần S đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Năm 1999 chị S1 cũng đi lao động tại Hàn Quốc. Chị S1 và anh S có tình yêu đương tự nguyện và có với nhau 02 chung là cháu Trần Thị Vân A, sinh ngày 26/5/2003 và cháu Trần Gia B, sinh ngày 02/04/2009. Do điều kiện ở Hàn Quốc nên chị S1 và anh S chưa đăng ký kết hôn và sau khi anh chị về nước thì đăng ký kết hôn vào ngày 27/05/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là phường B, tỉnh Quảng Trị). Hai vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 7 năm trở lại đây anh S có người phụ nữ khác nên lạnh nhạt, tình cảm vợ chồng không được như trước đây. Anh soái không quan tâm đến chị S1 cũng như không liên lạc thăm hỏi. Chị S1 thấy tình cảm vợ chồng cũng đã hết nên đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Hai vợ chồng có 02 chung là cháu Trần Thị Vân A sinh ngày 26/5/2003 và cháu Trần Gia B sinh ngày 02/04/2009 hiện đang được chị S1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S đang ở nước ngoài nên chị S1 xin nuôi hai con và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung. Quá trình làm ăn tại Hàn Quốc thì vợ chồng tích lũy được vốn liếng và mua được 02 thửa đất và ông bà nội cho một thửa đất để làm nhà, cụ thể: Thửa đất số 459, tờ bản đồ số 09, diện tích 168m². Thửa đất số 486, tờ bản đồ số 09 diện tích 170m². Hai thửa đất trên đều được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/8/2011, địa chỉ tại thôn N, xã Q, thị xã B. Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 09 diện tích 317.7m² do bố mẹ chồng cho, trên đất có nhà ở do hai vợ chồng làm. Hiện nay, chị S1 và các con đang ở tại ngôi nhà này. Giá trị tài sản ước tính khoảng là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Do chồng chị S1 chưa về nên không làm thủ tục sang tên hai vợ chồng mà vẫn đứng tên bố mẹ chồng. Nay, anh S yêu cầu ly hôn nên chị S1 yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng. Chị S1 yêu cầu chia nhà đất hiện đang ở cho chị S1 và một thửa đất còn một thửa đất giao anh S.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Phạm Thị S1 trình bày: Chị S1 không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với anh S. Trường hợp, khi anh S về lại Việt Nam nếu vợ chồng không còn tình cảm thì chị S1 đồng ý ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị định số 293/2025/NĐ-CP (*ban hành ngày 10/11/2025, hiệu lực từ 01/01/2026*) của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho anh **Trần S** được ly hôn chị **Phạm Thị S1**.

+ Về con chung: Giao cháu cháu **Trần Gia B** sinh ngày 02/04/2009 cho chị **Phạm Thị S1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

+ Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Bị đơn yêu cầu chia tài sản chung nhưng không nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên không xem xét.

+ Về án phí: Anh **Trần S** phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh **Trần S** yêu cầu ly hôn với chị **Phạm Thị S1** có địa chỉ tại **Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Quảng Trị** khi anh **S** đang làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa anh **Trần S** và chị **Phạm Thị S1** trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi anh **S** sang Hàn Quốc theo diện xuất khẩu lao động để xây dựng kinh tế gia đình thì vợ chồng bắt đầu nảy mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh **S** và chị **S1** bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung. Hai vợ chồng cùng đi làm ăn xa, không

chung sống cùng nhau và cũng do khoảng cách địa lý xa xôi gây khó khăn cho cả hai bên khi giải quyết công việc gia đình, khiến vợ chồng bế tắc, không có cách nào giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh S và chị S1 đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng và con cái. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện và mâu thuẫn giữa anh S và chị S1 không thể khắc phục được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S được ly hôn với chị S1.

[2.2] Về con chung: Anh S và chị S1 có 02 chung là cháu Trần Thị Vân A sinh ngày 26/5/2003 và cháu Trần Gia B sinh ngày 02/04/2009 hiện đang được chị S1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Trần Thị Vân A đã thành niên nên không xem xét. Nguyên vọng của anh S là giao cháu Trần Gia B cho chị S1 nuôi dưỡng và chị S1 cũng có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B khi hai vợ chồng ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Gia B1 cho chị S1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn anh Trần S có nguyện vọng giao con là cháu Trần Gia B, sinh ngày 02/04/2009 cho chị S1 chăm sóc, nuôi dưỡng và anh S sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*). Trước đây, theo chị S1 trình bày anh S ở nước ngoài hàng tháng đều gửi tiền về nuôi con chung mỗi tháng dao động từ 08 đến 10 triệu đồng (*anh S chuyển tiền về cho ông bà nội của cháu B*). Hiện tại, cháu B có bệnh về thận cần khám chữa bệnh định kỳ. Xét thấy, nguyện vọng của anh S1 cũng phù hợp với nhu cầu sinh hoạt và học tập của cháu B. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh S, buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Gia B mỗi tháng là 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) cho đến khi cháu thành niên.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung:

Nguyên đơn anh Trần S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Thông báo nộp chi phí tố tụng để tiến hành thụ lý giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng nhưng bị đơn không nộp nên Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu trên.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Trần S và chị Phạm Thị S1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; Điều 238; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 469; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần S** được ly hôn chị **Phạm Thị S1**.
2. Về con chung: Giao cháu cháu **Trần Gia B** sinh ngày 02/04/2009 cho chị **S1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Trần S** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*) cho đến khi cháu **B** đến tuổi thành niên.
Anh **Trần S** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở anh **S** thực hiện quyền này.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí và lệ phí:
Anh **Trần S** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005486 ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (*tỉnh Quảng Bình cũ*). Anh **Trần S** phải tiếp tục nộp 300.000 đồng án phí.
5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hòe Hoàng Thị Thoan

Võ Bá Lưu

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- THADS tỉnh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND phường Bắc Giang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Võ Bá Lưu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hòe Hoàng Thị Thoan

Võ Bá Lưu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đoàn Thị Kim Thương

